

GIẢI CHI TIẾT ĐỀ SỐ 28
ĐỀ PHÁT TRIỂN THEO FORM MINH HỌA
(Thời gian làm bài: 50 phút, không tính thời gian giao đề)

Read the following advertisement and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 1 to 6.

Giải thích đáp án:

Question 1: Đáp án **B. offering**

Giải thích: Cụm từ “Smartphones have become an essential part of our daily lives, offering a variety of apps...” dùng dạng hiện tại phân từ “offering” để mô tả về tính năng của điện thoại thông minh. Các lựa chọn khác không phù hợp về mặt ngữ pháp.

Question 2: Đáp án **A. useful smartphone app**

Giải thích: Từ “app” cần được bổ nghĩa bởi “useful” (hữu ích) và “smartphone” (điện thoại thông minh) theo đúng thứ tự. Đáp án A là cấu trúc phù hợp về ngữ pháp và ý nghĩa.

Question 3: Đáp án **C. important**

Giải thích: Vị trí đáp án cần điền tính từ đứng trước danh từ “deadlines” (hạn chót), vì vậy tính từ “important” là đúng. Các lựa chọn khác không phù hợp về ngữ pháp:

- o **A. import:** danh từ, không phù hợp.
- o **B. importantly:** trạng từ, không phù hợp.
- o **D. importance:** danh từ, không phù hợp.

Question 4: Đáp án **C. with**

Giải thích: Cụm từ “provides users with...” có nghĩa là “cung cấp cho người dùng.”

Question 5: Đáp án **B. keep**

Giải thích: Cụm từ “keep track of” có nghĩa là “theo dõi” hoặc “giữ dấu vết,” phù hợp với ngữ cảnh câu này, diễn tả việc theo dõi các nhiệm vụ cần làm.

Question 6: Đáp án **D. to check**

Giải thích: Sau động từ “allows” khi muốn diễn tả “cho phép làm gì” thì cần dùng động từ nguyên mẫu “to check” (kiểm tra). Các lựa chọn khác không phù hợp về mặt ngữ pháp.

Read the following leaflet and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 7 to 12.

Giải thích đáp án:

Question 7: Đáp án **D. gone up**

- *Giải thích:* Câu nói về việc số lượng học sinh trốn học đã **tăng lên** (gone up). "Gone up" là cụm từ diễn đạt chính xác ý tưởng về sự gia tăng. Các lựa chọn khác không phù hợp về nghĩa:
 - **A. looked out:** tìm kiếm, không phù hợp.
 - **B. turned off:** tắt, không phù hợp.
 - **C. let down:** làm thất vọng, không phù hợp.

Question 8: Đáp án **A. Many**

- *Giải thích:* Từ "Many students" (Nhiều học sinh) phù hợp trong ngữ cảnh này, vì nó diễn tả số lượng lớn học sinh không nhận thức được hậu quả của hành động trốn học. Các lựa chọn khác không phù hợp:
 - **B. Every:** có nghĩa là "mỗi học sinh," không phù hợp trong ngữ cảnh nói về một số lượng lớn học sinh.
 - **C. Another:** một cái khác, không phù hợp.
 - **D. Little:** ít, không phù hợp khi nói về nhiều học sinh.

Question 9: Đáp án **C. remain**

- *Giải thích:* "Remain focused" có nghĩa là giữ sự tập trung. Các lựa chọn khác không phù hợp:
 - **A. maintain:** cần có tân ngữ trực tiếp đi kèm sau.
 - **B. conserve:** bảo tồn, không đúng trong ngữ cảnh này.
 - **D. preserve:** bảo vệ, không phù hợp trong ngữ cảnh này.

Question 10: Đáp án **D. In terms of.**

Giải thích: Cụm từ "**In terms of**" có nghĩa là "về mặt" hoặc "liên quan đến," phù hợp với ngữ cảnh của câu. Khi nói "In terms of changing exam format, students need to adapt," câu này nhấn mạnh rằng học sinh cần thích nghi về **mặt** định dạng kỳ thi thay đổi.

Các lựa chọn khác không phù hợp:

- **A. Instead of:** mang nghĩa "thay vì," không phù hợp với ý câu.
- **B. In spite of:** mang nghĩa "mặc dù," nhưng không hợp lý ở đây vì không diễn đạt ý đúng về việc học sinh cần thích nghi.
- **C. With a view to:** mang nghĩa "với mục đích," không phù hợp trong ngữ cảnh này.

Question 11: Đáp án D. number

Giải thích: Cụm từ “A significant number of + danh từ đếm được số nhiều” với nghĩa là số lượng đáng kể

Các lựa chọn khác không phù hợp:

Question 12: Đáp án D. communicate (v) truyền, truyền đạt, chia sẻ

Giải thích: Động từ “**communicate**” mang nghĩa truyền, truyền đạt, chia sẻ là phù hợp nhất về nghĩa

Các lựa chọn khác không phù hợp:

A. transport (v) chuyên chở, vận tải

B. generate (v) sinh ra, tạo ra, phát sinh

C. transmit (v) Truyền, phát (một tín hiệu, chương trình..)

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct arrangement of the sentence to make a meaningful paragraph/letter in each of the following questions.

Giải thích đáp án:

Question 13: Đáp án B. c - a - b

- *Giải thích:* Trình tự hợp lý cho đoạn hội thoại là bắt đầu bằng câu hỏi của Anna về việc chị của Minh làm bài thi IELTS thế nào, sau đó là phản hồi của Minh về tâm trạng của chị mình trong lúc thi. Cuối cùng, Anna bày tỏ hy vọng rằng chị của Minh sẽ đạt được điểm cần thiết cho việc nộp hồ sơ đại học.

Question 14: Đáp án B. c - b - a - e - d

- *Giải thích:* Trình tự hợp lý của cuộc trò chuyện là Minh hỏi Lan về việc Mạnh đã thích nghi thế nào ở Đài Loan (c), Lan trả lời rằng Mạnh đã thích nghi tốt (b), sau đó Minh hỏi Lan về điều Mạnh nhớ nhất ở quê hương (a). Lan trả lời rằng Mạnh nhớ gia đình và thức ăn Việt Nam (e), cuối cùng Minh hỏi Lan liệu cô đã liên hệ với Mạnh để kiểm tra tình hình của anh chưa (d).

Question 15: Đáp án B. b - a - d - c - e

- *Giải thích:* Thư gửi học sinh nên bắt đầu bằng lời chào hỏi và bày tỏ hy vọng rằng mọi người vẫn ổn (b). Sau đó là thông báo về việc chuyển sang học trực tuyến vì cơn bão (a). Tiếp theo là sự công nhận về sự thay đổi này và nhắc nhở tầm quan trọng của việc ưu tiên an toàn (d). Sau đó là lời cảm ơn và khích lệ từ giáo viên (c), và cuối cùng là lời dặn dò về tài nguyên trực tuyến và hỗ trợ nếu có thắc mắc (e).

Question 16: Đáp án C. d - a - c - e - b

- *Giải thích:* Trình tự hợp lý của đoạn văn là bắt đầu với câu giới thiệu về xu hướng nội dung ngắn đang gia tăng (d). Tiếp theo, giải thích rằng điều này làm giảm khả năng tập trung do sự thay đổi nhanh và sự hài lòng tức thì (a). Sau đó là ảnh hưởng đến cảm giác lo lắng và tự ti của người xem (c). Tiếp theo là bản chất gây nghiện của nội dung ngắn và tác động tiêu cực đến sức khỏe và trong

tác xã hội (e). Cuối cùng, đoạn văn kết thúc với kết luận về tầm quan trọng của việc tiêu thụ nội dung có chừng mực (b).

Question 17: Đáp án **B. e - a - d - b - c**

- *Giải thích:* Trình tự hợp lý của đoạn văn là mở đầu với câu nói về vai trò của ngành công nghiệp cà phê Việt Nam trên thị trường toàn cầu (e). Sau đó là số liệu về sản lượng cà phê của Việt Nam và vị trí đứng thứ hai trên thế giới (a). Câu tiếp theo nhấn mạnh thành tựu này và tầm quan trọng của cà phê trong nền kinh tế Việt Nam (d). Tiếp theo là câu mô tả điều kiện khí hậu đa dạng của Việt Nam giúp trồng được các loại cà phê nổi tiếng (b). Cuối cùng là kết luận về sự cần thiết của các phương pháp bền vững để duy trì ngành công nghiệp cà phê (c).

Read the following passage and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 18 to 22.

Giải thích đáp án

Question 18: Câu này cần một mệnh đề bổ sung mô tả *ChatGPT*. Đáp án **C** phù hợp vì nó nhấn mạnh việc *ChatGPT* sử dụng các thuật toán tiên tiến để hiểu và tạo ra ngôn ngữ tự nhiên, đúng với bản chất của công cụ này.

Các đáp án khác:

- A:** Sai, vì *ChatGPT* không chỉ được thiết kế để dịch ngôn ngữ mà còn nhiều mục đích khác.
- B:** Sai, vì *ChatGPT* không hoạt động dựa trên kịch bản hay mẫu có sẵn.
- D:** Sai, vì *ChatGPT* không tập trung vào việc tạo dữ liệu số.

Question 19: Đáp án **B**. By leveraging its extensive training on diverse datasets

Giải thích: Câu này cần một mệnh đề mô tả cách *ChatGPT* hoạt động hiệu quả. Đáp án **B** phù hợp vì nó chỉ ra rằng *ChatGPT* dựa vào lượng dữ liệu đa dạng mà nó được huấn luyện. Các đáp án khác:

- A:** Sai, vì *ChatGPT* không hoạt động giống như công cụ tìm kiếm.
- C:** Sai, vì khả năng của *ChatGPT* không bị giới hạn bởi thông tin thời gian thực (mặc dù đây là một hạn chế khác).
- D:** Sai, vì *ChatGPT* không chỉ tập trung vào tính toán đơn giản.

Question 20: Đáp án **A**. *ChatGPT* can deliver timely and accurate information to users as necessary

Giải thích: Câu này cần một mệnh đề bổ sung ý nghĩa rằng *ChatGPT* được thiết kế để liên tục cải thiện khả năng của nó. Đáp án **A** phù hợp vì nó mô tả đúng chức năng của *ChatGPT* trong việc cung cấp thông tin kịp thời và chính xác. Các đáp án khác:

Question 21: Đáp án **B**. whose capabilities allow developers to create interactive applications employing its advanced features

Giải thích: Câu này mô tả cách ChatGPT được ứng dụng rộng rãi và cải thiện trải nghiệm người dùng. Đáp án **C** phù hợp vì nó nhấn mạnh sự tích hợp mượt mà của ChatGPT vào các ứng dụng, cung cấp phản hồi nhanh và chính xác.

Các đáp án khác:

- A:** Không đề cập đến sự tích hợp hay khả năng cung cấp phản hồi.
- B:** Mặc dù đúng về năng lực, nhưng không tập trung vào tích hợp ứng dụng.
- D:** Không rõ ràng và không liên quan đến tích hợp ứng dụng.

Question 22: Câu này cần một mệnh đề bổ sung giải thích cách người dùng có thể tận dụng ChatGPT khi hiểu rõ hơn về khả năng của nó. Đáp án **C** phù hợp vì nó nhấn mạnh tiềm năng khai thác ChatGPT tăng lên đáng kể.

Các đáp án khác:

- A:** Sai, vì không liên quan đến kiến thức kỹ thuật.
- B:** Sai, vì không có sự suy giảm trong các lệnh văn bản cơ bản.
- D:** Sai, vì không liên quan đến các phương pháp truyền thống.

Read the following passage and mark the letter A, B, C, D on your answer sheet to indicate the best answer to each of the following questions from 23 to 30.

Giải thích chi tiết:

Question 23: Đáp án: D. You will feel less stressed when meeting other people.

Giải thích: Trong đoạn văn, lợi ích của việc chạy marathon được đề cập bao gồm cải thiện tuần hoàn máu, tăng sức bền và giúp cơ bắp mạnh mẽ hơn. Tuy nhiên, không có chi tiết nào đề cập rằng **gặp gỡ người khác sẽ giúp giảm căng thẳng**. Đáp án D là lựa chọn không phù hợp với thông tin trong bài.

Question 24: Đáp án: B. afraid

Giải thích: Từ "fearful" có nghĩa là **sợ hãi**. Trong các lựa chọn, "afraid" là từ đồng nghĩa phù hợp nhất. Các từ khác:

- A. scary** và **D. frightening** là tính từ mang nghĩa **gây sợ hãi** (điều gì đó đáng sợ), không phải là trạng thái của một người.
- C. anxious** có nghĩa là **lo lắng**, không đồng nghĩa trực tiếp với "fearful".

Question 25: Đáp án: C. weakened

Giải thích: Từ "enhanced" có nghĩa là **được cải thiện, tăng cường**. Từ trái nghĩa phù hợp nhất là "weakened" (bị yếu đi). Các đáp án khác:

- A. preserved** (bảo tồn) và **B. augmented** (gia tăng) không đối lập nghĩa với "enhanced".
- D. disseminated** (phân tán, lan truyền) không phù hợp.

Question 26: Đáp án: C. completing a marathon

Giải thích: Trong đoạn văn, từ "this" trong câu "**Of course, it's true that this is a big challenge that requires commitment and perseverance**" đề cập đến việc hoàn thành một cuộc đua marathon. Câu trước đó nói về nỗi sợ và sự bất an mà nhiều người cảm thấy khi đối mặt với nhiệm vụ hoàn thành một cuộc đua marathon, điều mà họ nghĩ là rất khó hoặc thậm chí không thể thực hiện được. Vì vậy, "this" ở đây là việc hoàn thành một cuộc đua marathon, không chỉ đơn thuần là một thử thách chung chung.

Question 27: Đáp án: A. Every time you leave your comfort zone and achieve something new, you will become stronger and more confident.

Giải thích: Câu này diễn đạt rằng **mỗi lần bạn vượt ra khỏi vùng an toàn và đạt được điều gì đó mới mẻ, bạn sẽ trở nên mạnh mẽ và tự tin hơn**. Đáp án A là cách diễn đạt đúng nhất của câu gốc. Các lựa chọn khác:

B và D sử dụng từ "odd" và "unique" (không đúng trong ngữ cảnh) và **less confident** không đúng về nghĩa.

C không hoàn toàn đúng vì không có ý nói đến **cảm giác vượt trội**.

Question 28: Đáp án: A. If you want to run a marathon, you need to commit and persevere.

Giải thích: Đoạn văn nói rằng chạy marathon là một thử thách đòi hỏi **sự cam kết và kiên trì**. Đáp án A là đúng. Các đáp án khác:

B không đúng vì hoàn thành marathon không đảm bảo xóa bỏ mọi nỗi sợ.

C và D không được đề cập đến trong bài.

Question 29: Đáp án: B. Paragraph 2

Giải thích: Các lợi ích về thể chất của việc chạy marathon được đề cập trong **đoạn 2**, bao gồm cải thiện tuần hoàn máu, cơ bắp và thể lực tổng thể.

Question 30: Đáp án: C. Paragraph 3

Giải thích: Cơ hội phát triển cá nhân từ việc chạy marathon được thảo luận trong **đoạn 3**, nói về việc vượt qua nỗi sợ và cảm giác tự tin khi đạt được mục tiêu mới.

Dịch bài:

Nếu bạn mới bắt đầu chạy bộ, hoặc mới tham gia chạy marathon, có thể bạn sẽ lo lắng hoặc thậm chí sợ hãi về quãng đường phải chạy. Và những cảm giác này hoàn toàn dễ hiểu, vì hơn 42 km là một quãng đường rất dài. Tuy nhiên, ngày càng có nhiều người chấp nhận thử thách này mỗi năm, và điều đó có những lý do rất chính đáng.

Rõ ràng, việc chạy một quãng đường dài như vậy đòi hỏi phải luyện tập rất nhiều, và càng luyện tập nhiều, sức bền của bạn sẽ càng được cải thiện. Và tất nhiên, khi bạn trở nên hoạt động thể chất nhiều hơn, tim và cơ bắp của bạn sẽ khỏe mạnh hơn, tuần hoàn máu sẽ được cải thiện, và rất có thể bạn sẽ nhanh chóng có vóc dáng cân đối. Ngoài ra, còn có các lợi ích về mặt tinh thần và xã hội như giảm căng thẳng, cảm thấy tràn đầy năng lượng hơn và có cơ hội gặp gỡ, thiết lập các mối quan hệ ý nghĩa với người khác.

Giải thích: Trong câu, từ "**they**" chỉ người dùng (users) có thể chọn và chỉnh sửa hình ảnh từ một bộ sưu tập hình ảnh.

Question 36

Đáp án: C. Penrose enables users to translate mathematical ideas into diagrams using expert knowledge and computer codes.

Giải thích: Đoạn 3 mô tả cách Penrose giúp người dùng chuyển ý tưởng toán học thành hình ảnh bằng cách sử dụng kiến thức của chuyên gia về cách tạo sơ đồ và mã hóa vào hệ thống.

Question 37

Đáp án: C. Penrose uses common mathematical rules to draw diagrams for a mathematical object.

Giải thích: Penrose cho phép người dùng xác định quy tắc cho các đối tượng toán học và không áp dụng **quy tắc toán học chung**. Đáp án này không đúng theo nội dung bài đọc. Các lựa chọn khác đều được nhắc đến trong đoạn văn.

Question 38

Đáp án: C. Users can choose and modify the diagrams they prefer from a collection of options.

Giải thích: Câu "Users can then select and edit the diagrams they want from a gallery of possibilities" được diễn đạt tốt nhất bằng đáp án C với các từ "choose" và "modify" tương ứng với "select" và "edit".

Question 39

Đáp án: C. How a mathematical object should be visualized varies from person to person.

Giải thích: Bài đọc cho thấy Penrose cho phép người dùng tùy chỉnh ký hiệu và hình ảnh, vì **cách hình dung đối tượng toán học có thể khác nhau tùy người**.

Question 40

Đáp án: C. Penrose is a new tool that allows users to create complex mathematical diagrams easily, enhancing mathematical communication and understanding.

Giải thích: Câu trả lời C tóm tắt đúng nhất nội dung bài đọc về Penrose là một công cụ giúp người dùng tạo hình ảnh toán học phức tạp một cách dễ dàng, hỗ trợ giao tiếp và hiểu biết toán học.

Dịch bài:

Một số người nhìn vào một phương trình và chỉ thấy một loạt các con số và ký hiệu phức tạp, trong khi những người khác lại nhìn thấy vẻ đẹp. [I] Giờ đây, nhờ một công cụ mới được tạo ra tại Đại học Carnegie Mellon, bất kỳ ai cũng có thể chuyển đổi các khái niệm trừu tượng của toán học thành những hình minh họa đẹp mắt và hữu ích. [II] Công cụ thú vị này có tên là Penrose, được đặt theo tên của nhà toán học Roger Penrose, người nổi tiếng với việc sử dụng các sơ đồ và hình vẽ khác để truyền tải những ý tưởng toán học phức tạp. [III] Penrose cho phép người dùng tạo sơ đồ chỉ bằng cách nhập các biểu thức toán học và để phần mềm tự động vẽ. [IV]

Không giống như máy tính đồ thị, Penrose không bị giới hạn trong các hàm cơ bản mà có thể xử lý các mối quan hệ phức tạp từ bất kỳ lĩnh vực nào của toán học. “Một số nhà toán học có tài năng vẽ sơ đồ đẹp bằng tay, nhưng chúng sẽ biến mất ngay khi bảng phần bị xóa đi,” Keenan Crane, phó giáo sư khoa học máy tính và robot, cho biết. “Chúng tôi muốn mang sức mạnh biểu đạt này đến với tất cả mọi người.”

Các sơ đồ thường ít được sử dụng trong giao tiếp toán học, vì việc tạo ra các hình minh họa chất lượng cao vượt quá khả năng của nhiều nhà nghiên cứu và đòi hỏi nhiều thời gian và công sức. Penrose giải quyết những thách thức này bằng cách cho phép các chuyên gia vẽ sơ đồ chuyển kiến thức của họ về việc tạo sơ đồ thành các đoạn mã máy tính để người dùng khác có thể truy cập khả năng này thông qua ngôn ngữ toán học quen thuộc và máy tính. “Chúng tôi bắt đầu bằng cách đặt câu hỏi: ‘Làm thế nào để mọi người chuyển đổi các ý tưởng toán học thành hình ảnh trong đầu của họ?’” Katherine Ye, một nghiên cứu sinh tiến sĩ tại Khoa Khoa học Máy tính, người tham gia phát triển Penrose, chia sẻ. “Bí quyết của hệ thống chúng tôi là giúp mọi người dễ dàng ‘giải thích’ quá trình chuyển đổi này cho máy tính, để máy tính có thể thực hiện toàn bộ công việc khó khăn là thực sự tạo ra hình ảnh.”

Khi máy tính hiểu cách người dùng muốn thấy một đối tượng toán học được hình dung – chẳng hạn như một vector được thể hiện bằng một mũi tên nhỏ, hoặc một điểm được thể hiện bằng một chấm – nó sử dụng những quy tắc này để vẽ một số sơ đồ mẫu. Người dùng sau đó có thể chọn và chỉnh sửa các sơ đồ họ muốn từ một thư viện các lựa chọn. Một ngôn ngữ lập trình đặc biệt, dễ học cũng đã được phát triển để người dùng có thể dễ dàng truyền đạt những ý tưởng trong đầu họ vào hệ thống Penrose, Crane cho biết. “Các nhà toán học có thể rất cầu kỳ về ký hiệu,” ông giải thích. “Chúng tôi cho phép họ định nghĩa bất kỳ ký hiệu nào họ muốn, để họ có thể thể hiện bản thân một cách tự nhiên.”

Các nhà nghiên cứu sẽ trình bày Penrose tại Hội nghị SIGGRAPH 2020 về Đồ họa Máy tính và Kỹ thuật Tương tác, sẽ được tổ chức vào tháng Bảy tới. “Tầm nhìn của chúng tôi là có thể lấy một cuốn sách toán học cũ từ thư viện, đưa vào máy tính và nhận lại một cuốn sách được minh họa đẹp mắt – theo cách đó nhiều người sẽ hiểu hơn,” Crane cho biết, lưu ý rằng Penrose là bước đầu tiên hướng đến mục tiêu này.

THE END

Nếu bạn nghĩ về nó, chạy marathon cũng là một cơ hội để phát triển cá nhân. Ai cũng có ít nhất một nỗi sợ hoặc sự thiếu tự tin, và đối với nhiều người, hoàn thành một cuộc đua marathon có thể là một nhiệm vụ vô cùng khó khăn hoặc thậm chí là không thể. Tất nhiên, điều này là một thử thách lớn, đòi hỏi sự cam kết và kiên trì. Tuy nhiên, mỗi khi bạn bước ra khỏi vùng an toàn của mình và hoàn thành một điều gì đó mới mẻ, bạn sẽ trở nên mạnh mẽ hơn và tự tin hơn.

Đôi khi, bạn có thể thực sự giúp đỡ nhiều người khác khi chạy marathon. Nhiều người chạy hiện nay kết hợp mục tiêu chạy marathon của họ với mục tiêu giúp đỡ người khác bằng cách tham gia vào các cuộc đua gây quỹ từ thiện. Bên cạnh đó, tham gia các cuộc đua marathon như vậy rất có thể sẽ mang lại cho bạn tất cả động lực cần thiết để vượt qua chặng đường dài 42 km đầy mệt mỏi. Dù sao đi nữa, sẽ rất khó bỏ cuộc khi bạn biết rằng mình đang giúp đỡ những người cần sự trợ giúp.

Read the following passage about and mark the letter A, B, C, D on your answer sheet to indicate the best answer to each of the following questions from 31 to 40.

Giải thích đáp án:

Question 31

Đáp án: A. [I]

Giải thích: Câu "For many, the elegance of mathematical concepts often goes unnoticed amidst the complexity." phù hợp nhất khi đặt ở vị trí [I], mở đầu đoạn văn để giới thiệu rằng nhiều người không nhận ra vẻ đẹp của các khái niệm toán học vì sự phức tạp của chúng.

Question 32

Đáp án: B. expanded

Giải thích: Từ "restricted" nghĩa là **bị giới hạn**. Từ trái nghĩa phù hợp nhất là "expanded" (mở rộng). Các lựa chọn khác đều mang nghĩa gần với "giới hạn" nên không phù hợp.

Question 33

Đáp án: D. special element

Giải thích: Từ "secret sauce" trong ngữ cảnh này có nghĩa là **yếu tố đặc biệt** giúp Penrose thực hiện quá trình chuyển hóa ý tưởng toán học thành hình ảnh. **D. special element** là cách diễn đạt phù hợp nhất. Các lựa chọn khác không phù hợp về nghĩa.

Question 34

Đáp án: D. It can automatically generate solutions to complex mathematical problems.

Giải thích: Công cụ Penrose giúp người dùng tạo hình ảnh từ biểu thức toán học và hỗ trợ giao tiếp ý tưởng toán học, nhưng không được nhắc đến việc **giải các bài toán phức tạp tự động**.

Question 35

Đáp án: A. users